

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY SẢN CỬU LONG**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	5 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	10 - 11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	12 - 33

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần thủy sản Cửu Long (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần thủy sản Cửu Long là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5803000019, đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 02 năm 2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 30 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 36 Bạch Đằng, phường 4, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Điện thoại : (84 - 74) 3852 231

Fax : (84 - 74) 3850 278

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; nuôi trồng các mặt hàng thủy hải sản và súc sản; kinh doanh trong và ngoài nước các mặt hàng thủy sản, nông súc sản; nhập khẩu nguyên liệu, vật tư máy móc, hóa chất, phụ gia và thức ăn tôm cá phục vụ nuôi trồng, chế biến hàng xuất khẩu và tiêu thụ trong nước; kinh doanh dịch vụ cho thuê xe tải và kho bãi, dịch vụ kiểm nghiệm và các dịch vụ khác.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Văn Bang	Chủ tịch	Ngày 30 tháng 3 năm 2010
Ông Trương Văn Tân	Thành viên	Ngày 30 tháng 3 năm 2010
Bà Trần Thị Thu Hà	Thành viên	Ngày 17 tháng 4 năm 2012
Bà Đỗ Lan Hương	Thành viên	Ngày 17 tháng 4 năm 2012
Ông Phan Văn Bé	Thành viên	Ngày 02 tháng 8 năm 2013

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Hồ Thị Á	Trưởng ban	Ngày 30 tháng 3 năm 2010
Bà Nguyễn Thị Hồng Nhanh	Thành viên	Ngày 30 tháng 3 năm 2010
Bà Nguyễn Thị Liễu Tuyền	Thành viên	Ngày 30 tháng 3 năm 2010

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Văn Bang	Tổng Giám đốc	Ngày 30 tháng 3 năm 2010
Ông Trần Thanh Lễ	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 10 tháng 3 năm 2005

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Bang – Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2015).



Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ Chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc, 


Nguyễn Văn Bang
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2016





**BAKER TILLY
A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.



Headquarters : 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Hà Nội : 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City
Branch in Nha Trang : 18 Trần Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Cần Thơ : 15-13 Võ Nguyễn Giáp St., Cần Thơ City
www.a-c.com.vn

Số: 0390/2016/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CỬU LONG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần thủy sản Cửu Long (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 04 tháng 3 năm 2016, từ trang 05 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần thủy sản Cửu Long tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0099-2013-008-1

Phan Vũ Công Bá - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0197-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CỬU LONG

Địa chỉ: 36 Bạch Đằng, phường 4, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		109.603.749.320	116.230.453.731
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	16.262.191.340	5.833.603.664
1. Tiền	111		16.262.191.340	5.833.603.664
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		38.355.321.332	52.620.858.015
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	38.165.590.072	52.262.745.939
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	176.532.920
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3	463.912.354	417.455.714
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.4	(274.181.094)	(235.876.558)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		54.305.515.340	56.715.364.152
1. Hàng tồn kho	141	V.5	61.182.442.796	57.527.320.826
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.5	(6.876.927.456)	(811.956.674)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		680.721.308	1.060.627.900
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	401.401.655
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		680.721.308	659.226.245
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CỬU LONG

Địa chỉ: 36 Bạch Đằng, phường 4, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		46.107.217.001	53.597.731.400
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220	V.6	39.277.502.428	45.581.225.973
1. Tài sản cố định hữu hình	221		39.202.087.003	45.503.992.152
- Nguyên giá	222		131.398.786.078	130.624.535.218
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(92.196.699.075)	(85.120.543.066)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	75.415.425	77.233.821
- Nguyên giá	228		90.920.000	90.920.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(15.504.575)	(13.686.179)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	45.134.392
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	45.134.392
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		4.803.104.282	7.052.523.815
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.8	10.500.000.000	10.500.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.8	296.600.000	296.600.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.8	(5.993.495.718)	(3.744.076.185)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.026.610.291	918.847.220
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	465.240.910	245.350.550
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.10	1.561.369.381	673.496.670
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		155.710.966.321	169.828.185.131

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CỬU LONG

Địa chỉ: 36 Bạch Đằng, phường 4, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		78.647.290.624	97.939.054.201
I. Nợ ngắn hạn	310		72.090.088.874	93.961.033.076
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	2.433.319.881	4.195.002.436
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	1.231.829.294	5.682.600
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	35.844.556	45.376.649
4. Phải trả người lao động	314	V.14	8.595.131.760	9.740.026.019
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	4.967.837.885	1.153.741.159
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	1.661.521.690	1.951.614.669
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	52.821.576.410	76.454.162.146
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	343.027.398	415.427.398
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		6.557.201.750	3.978.021.125
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	3.678.021.125
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	300.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	3.025.000.000	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.18	3.532.201.750	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CỬU LONG

Địa chỉ: 36 Bạch Đằng, phường 4, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		77.063.675.697	71.889.130.930
I. Vốn chủ sở hữu	410		77.063.675.697	71.889.130.930
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20	80.000.000.000	80.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		80.000.000.000	80.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.20	27.326.000.000	27.326.000.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.20	20.711.257.648	20.711.257.648
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.20	(50.973.581.951)	(56.148.126.718)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(56.148.126.718)	(56.148.126.718)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		5.174.544.767	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		155.710.966.321	169.828.185.131

Trà Vinh, ngày 04 tháng 3 năm 2016


Hà Kha Ly
Người lập biểu

Lê Thị Thanh Ngân
Kế toán trưởngNguyễn Văn Bang
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CỬU LONG

Địa chỉ: 36 Bạch Đằng, phường 4, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	533.142.701.602	866.636.033.569
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	136.756.620	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		533.005.944.982	866.636.033.569
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	497.256.184.079	809.360.956.704
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		35.749.760.903	57.275.076.865
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	3.929.391.503	3.500.769.561
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	10.423.946.841	18.028.346.914
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.890.292.451	12.540.341.193
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	10.902.347.427	17.521.365.125
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	13.911.686.035	15.665.168.230
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.441.172.103	9.560.966.157
11. Thu nhập khác	31	VI.8	14.525.463	235.322.034
12. Chi phí khác	32	VI.9	169.025.510	23.282.655
13. Lợi nhuận khác	40		(154.500.047)	212.039.379
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.286.672.056	9.773.005.536
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	-	(402.127.721)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.10	(887.872.711)	(8.132.005)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.174.544.767	10.183.265.262
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	647	1.273
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	647	1.273


Hà Kha Ly
Người lập biểu

Lê Thị Thanh Ngân
Kế toán trưởng

Trà Vinh, ngày 04 tháng 3 năm 2016

Nguyễn Văn Bang
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CỬU LONG

Địa chỉ: 36 Bạch Đằng, phường 4, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		4.286.672.056	9.773.005.536
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.6,V.7	11.205.935.786	13.265.695.406
- Các khoản dự phòng	03	V.4,V.5,V.8,V.11	11.924.929.521	(9.034.113.908)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	(181.035.983)	112.091.754
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4,VI.9	(7.701.909)	10.312.809.576
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	2.890.292.451	12.540.341.193
- Các khoản điều chỉnh khác	07		45.134.392	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		30.164.226.314	36.969.829.557
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		13.998.035.276	25.539.689.025
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(3.655.121.970)	86.253.102.555
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(2.131.996.386)	(1.093.566.136)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		181.511.295	153.072.350
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.15,VI.4	(2.902.790.534)	(12.741.327.017)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	2.445.573.898
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.20	(72.400.000)	(500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		35.581.463.995	137.026.374.232
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.6	(4.994.562.909)	(618.211.158)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	155.045.455
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	2.071.029.887
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.4	100.052.577	144.570.677
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.894.510.332)	1.752.434.861

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CỬU LONG

Địa chỉ: 36 Bạch Đằng, phường 4, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.17	372.028.110.542	534.282.215.661
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17	(392.295.138.828)	(675.518.838.744)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(20.267.028.286)	(141.236.623.083)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		10.419.925.377	(2.457.813.990)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	5.833.603.664	8.295.948.381
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		8.662.299	(4.530.727)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	16.262.191.340	5.833.603.664

Trà Vinh, ngày 04 tháng 3 năm 2016



Hà Kha Ly

Hà Kha Ly
Người lập biểu

Lê Thị Thanh Ngân

Lê Thị Thanh Ngân
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Bang
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CỬU LONG

Địa chỉ: 36 Bạch Đằng, phường 4, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần thủy sản Cửu Long (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, Nuôi trồng các mặt hàng thủy hải sản và súc sản; kinh doanh trong và ngoài nước các mặt hàng thủy sản, nông súc sản; Nhập khẩu nguyên liệu, vật tư máy móc, hóa chất, phụ gia và thức ăn tôm cá phục vụ nuôi trồng, chế biến hàng xuất khẩu và tiêu thụ trong nước.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Doanh thu và lợi nhuận năm nay đều giảm đi đáng kể so với năm trước chủ yếu là do sản lượng và giá bán đều giảm.

6. Cấu trúc Công ty

Công ty chỉ đầu tư vào công ty liên kết là Công ty cổ phần thủy sản Sao Biển có trụ sở chính tại khóm 1, thị trấn Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là thu mua nuôi trồng chế biến thủy hải sản. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 35%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Các quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này không có ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu của Công ty và Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, do vậy các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 645 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 636 nhân viên).

15-C.T.
TY
HỮU HẠN
A TỰ VẮT
C
HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CỬU LONG

Địa chỉ: 36 Bạch Đằng, phường 4, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các Thông tư khác hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CỬU LONG

Địa chỉ: 36 Bạch Đằng, phường 4, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CỬU LONG

Địa chỉ: 36 Bạch Đằng, phường 4, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CỬU LONG

Địa chỉ: 36 Bạch Đằng, phường 4, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 02 - 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 30
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CỬU LONG

Địa chỉ: 36 Bạch Đằng, phường 4, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ bao gồm: Quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất, Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CỬU LONG

Địa chỉ: 36 Bạch Đằng, phường 4, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty chỉ gồm dự phòng trợ cấp thôi việc:

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên đối với thời gian không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp khi họ chấm dứt hợp đồng lao động. Dự phòng trợ cấp thôi việc được trích lập với mức bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề gần nhất tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính cho 01 năm làm việc.

Tăng, giảm số dư dự phòng trợ cấp thôi việc cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CỬU LONG

Địa chỉ: 36 Bạch Đằng, phường 4, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hoá là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu chỉ gồm hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CỬU LONG

Địa chỉ: 36 Bạch Đằng, phường 4, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CỬU LONG

Địa chỉ: 36 Bạch Đằng, phường 4, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	543.425.318	5.119.371.988
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	15.718.766.022	714.231.676
Cộng	16.262.191.340	5.833.603.664

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Amanda Seafood Private Limited	-	6.452.318.340
Dksh Switzerland Ltd	-	5.776.511.760
Emc Distribution	6.537.234.726	-
Công ty TNHH Denti	4.201.712.010	820.554.624
Freshpack Exploitation S.A	8.665.477.976	11.021.437.440
Metro Marine Corporation	-	5.916.027.467
Nichirei Fresh Inc.	7.233.329.248	7.822.947.240
Các khách hàng khác	11.527.836.112	14.452.949.068
Cộng	38.165.590.072	52.262.745.939

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CỬU LONG

Địa chỉ: 36 Bạch Đằng, phường 4, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	123.630.000	-	156.930.000	-
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	-	-	6.164.400	-
Tiền bảo hiểm nhân viên	340.282.354	-	217.563.700	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	-	-	36.797.614	-
Cộng	463.912.354	-	417.455.714	-

4. Nợ xấu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Nhật Hồng						
Phải thu tiền bán hàng	Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	391.687.277	117.506.183	Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	391.687.277	195.843.638
Cửa hàng thuốc thú y thủy sản Hồng Đào						
Ứng trước tiền hàng		-	-	Quá hạn trên 03 năm	40.032.920	-
Cộng		391.687.277	117.506.183		431.720.197	195.843.638

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	235.876.558	-
Trích lập dự phòng bổ sung	78.337.456	235.876.558
Xóa nợ	(40.032.920)	-
Số cuối năm	274.181.094	235.876.558

5. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.072.209.594	-	4.024.448.098	(811.956.674)
Công cụ, dụng cụ	152.980.182	-	63.058.165	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-	54.298.284	-
Thành phẩm	58.957.253.020	(6.876.927.456)	53.385.516.279	-
Cộng	61.182.442.796	(6.876.927.456)	57.527.320.826	(811.956.674)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	811.956.674	3.326.823.325
Trích lập dự phòng bổ sung	6.064.970.782	-
Hoàn nhập dự phòng	-	(2.514.866.651)
Số cuối năm	6.876.927.456	811.956.674

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CỬU LONG

Địa chỉ: 36 Bạch Đằng, phường 4, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	38.326.536.097	84.071.992.109	7.426.228.012	799.779.000	130.624.535.218
Mua trong năm	-	4.994.562.909	-	-	4.994.562.909
Thanh lý, nhượng bán	(1.072.333.890)	(3.016.159.978)	(131.818.181)	-	(4.220.312.049)
Số cuối năm	37.254.202.207	86.050.395.040	7.294.409.831	799.779.000	131.398.786.078
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	2.134.034.484	23.623.870.563	3.852.320.596	99.779.000	29.710.004.643
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	19.962.332.605	58.705.829.080	5.947.846.380	504.535.001	85.120.543.066
Khấu hao trong năm	2.632.833.140	7.837.649.136	578.391.099	155.244.015	11.204.117.390
Thanh lý, nhượng bán	(992.329.298)	(3.003.813.902)	(131.818.181)	-	(4.127.961.381)
Số cuối năm	21.602.836.447	63.539.664.314	6.394.419.299	659.779.016	92.196.699.075
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	18.364.203.492	25.366.163.029	1.478.381.632	295.243.999	45.503.992.152
Số cuối năm	15.651.365.760	22.510.730.726	899.990.533	139.999.984	39.202.087.003
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 31.296.870.099 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Trà Vinh và Ngân hàng đầu tư phát triển Việt Nam – Chi nhánh Trà Vinh.

7. Tài sản cố định vô hình

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	90.920.000	13.686.179	77.233.821
Khấu hao trong năm		1.818.396	
Số cuối năm	90.920.000	15.504.575	75.415.425

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CỬU LONG

Địa chỉ: 36 Bạch Đằng, phường 4, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ bao gồm đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên kết				
Công ty cổ phần thủy sản Sao Biển ⁽ⁱ⁾	10.500.000.000	(5.696.895.718)	10.500.000.000	(3.744.076.185)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Hợp tác xã Thắng Lợi ⁽ⁱⁱ⁾	296.600.000	(296.600.000)	296.600.000	-
Cộng	10.796.600.000	(5.993.495.718)	10.796.600.000	(3.744.076.185)

- (i) Khoản góp vốn vào Công ty cổ phần thủy sản Sao Biển với tỷ lệ vốn góp 35%.
- (ii) Khoản góp vốn vào Hợp tác xã Thắng Lợi với tỷ lệ vốn góp 15%. Hợp tác xã đã ngưng hoạt động từ năm 2014 do thua lỗ nhiều năm, Công ty đã trích lập dự phòng 100% cho khoản đầu tư này.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của công ty liên kết

Công ty cổ phần thủy sản Sao Biển bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh từ tháng 4/2008 hoạt động kinh doanh thua lỗ trong những năm gần đây.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	3.744.076.185	10.499.200.000
Trích lập dự phòng bổ sung	2.249.419.533	3.744.076.185
Thanh lý công ty con	-	(10.499.200.000)
Số cuối năm	5.993.495.718	3.744.076.185

Giao dịch với công ty liên kết

Trong năm Công ty chỉ phát sinh giao dịch cung cấp dịch vụ cho công ty cổ phần thủy sản Sao Biển với số tiền là 8.030.000 VND (năm trước là 11.561.000 VND).

9. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	59.630.345	120.329.493
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	405.610.565	125.021.057
Cộng	465.240.910	245.350.550

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CỬU LONG

Địa chỉ: 36 Bạch Đằng, phường 4, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

10a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ			
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	121.793.501	909.745.949	1.031.539.450
Dự phòng quỹ trợ cấp thôi việc	551.703.169	(21.873.238)	529.829.931
Cộng	673.496.670	887.872.711	1.561.369.381

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 15% (năm trước thuế suất là 15%).

10b. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng của năm 2013 với số tiền là 51.531.932.290 VND.

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi nhánh Công ty TNHH Tân Hy	105.226.000	472.096.535
Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ Hạnh Minh Thi	331.902.450	-
Doanh nghiệp tư nhân Minh Vân	476.093.200	418.792.000
Các nhà cung cấp khác	1.520.098.231	3.304.113.901
Cộng	2.433.319.881	4.195.002.436

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Phú Cường	1.097.094.000	-
Công ty TNHH thương mại dịch vụ Thái Bình An Giang	-	5.682.600
Dksh Switzerland Ltd	134.735.294	-
Cộng	1.231.829.294	5.682.600

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CỬU LONG

Địa chỉ: 36 Bạch Đằng, phường 4, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	41.026.986	(41.026.986)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	44.589.149	313.319.637	(323.125.980)	34.782.806
Thuế tài nguyên	787.500	12.025.500	(11.751.250)	1.061.750
Thuế nhà đất	-	1.181.017.530	(1.181.017.530)	-
Các loại thuế khác	-	5.000.000	(5.000.000)	-
Cộng	45.376.649	1.552.389.653	(1.561.921.746)	35.844.556

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho từng mặt hàng như sau:

- Hàng thủy sản xuất khẩu	0%
- Hàng thủy sản đã qua chế biến nội tiêu, vật tư bao bì	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động chế biến thủy hải sản với thuế suất 15%.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.286.672.056	9.773.005.536
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	547.681.431	839.888.972
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	(134.156.286)
Thu nhập chịu thuế	4.834.353.487	10.478.738.222
Lỗ các năm trước được chuyển	(4.834.353.487)	(10.478.738.222)
Thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	15%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp các năm trước	-	(402.127.721)
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	-	(402.127.721)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các qui định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những qui định này thay đổi theo từng thời kỳ và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CỬU LONG

Địa chỉ: 36 Bạch Đằng, phường 4, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

14. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả người lao động.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí hoa hồng môi giới, bán hàng	681.366.901	538.773.126
Chi phí lãi vay	14.672.736	27.170.819
Chi phí gia công tại phân xưởng	65.174.275	68.602.325
Dự phòng tiền lương	4.122.177.516	-
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	84.446.457	519.194.889
Cộng	4.967.837.885	1.153.741.159

16. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	414.013.890	714.235.046
Chi phí thù lao Hội đồng quản trị	103.000.000	86.400.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	374.507.800	374.507.800
Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	450.000.000	150.000.000
Phải trả về cổ phần hóa	-	626.471.823
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	320.000.000	-
Cộng	1.661.521.690	1.951.614.669

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn

17a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Trà Vinh ⁽ⁱ⁾	32.714.141.124	43.468.080.000
Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Trà Vinh ⁽ⁱⁱ⁾	20.107.435.286	31.835.340.000
Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Trà Vinh	-	1.150.742.146
Cộng	52.821.576.410	76.454.162.146

- (i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Trà Vinh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng thế chấp một số tài sản cố định tại phân xưởng 1 (xem thuyết minh V.6).

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CỬU LONG

Địa chỉ: 36 Bạch Đằng, phường 4, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (ii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Trà Vinh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định thuộc phân xưởng 2 và phân xưởng 3 (xem thuyết minh V.6).

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

Số đầu năm	76.454.162.146
Số tiền vay phát sinh	368.728.110.542
Số tiền vay đã trả	(392.020.138.828)
Đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối năm	(340.557.450)
Số cuối năm	52.821.576.410

17b. Vay dài hạn

Khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Trà Vinh để thanh toán chi phí đầu tư bằng chuyển IQF và hệ thống thiết bị lạnh với lãi suất 10%, thời hạn vay là 03 năm.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	275.000.000	-
Trên 01 năm đến 05 năm	2.750.000.000	-
Cộng	3.025.000.000	-

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong năm như sau:

Số đầu năm	-
Số tiền vay phát sinh	3.300.000.000
Số tiền vay đã trả	(275.000.000)
Số cuối năm	3.025.000.000

18. Dự phòng phải trả dài hạn

Khoản phải trả tiền trợ cấp thôi việc.

19. Quỹ phúc lợi

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	415.427.398	440 927 398
Chi quỹ	(72.400.000)	(25 500 000)
Số cuối năm	343.027.398	415.427.398

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CỬU LONG

Địa chỉ: 36 Bạch Đằng, phường 4, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**20. Vốn chủ sở hữu****20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	80.000.000.000	27.326.000.000	20.711.257.648	(66.331.391.980)	61.705.865.668
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	10.183.265.262	10.183.265.262
Số dư cuối năm trước	80.000.000.000	27.326.000.000	20.711.257.648	(56.148.126.718)	71.889.130.930
Số dư đầu năm nay	80.000.000.000	27.326.000.000	20.711.257.648	(56.148.126.718)	71.889.130.930
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	5.174.544.767	5.174.544.767
Số dư cuối năm nay	80.000.000.000	27.326.000.000	20.711.257.648	(50.973.581.951)	77.063.675.697

20b. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**21a. Ngoại tệ các loại**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	627.459,31	21.288,27
Euro (EUR)	1.704,82	1.730,24
Dollar Canada (CAD)	349,85	350,87

21b. Nợ khó đòi đã xử lý

Khoản phải thu tiền hàng cửa hàng thuốc thú y thủy sản Hồng Đào với số tiền là 40.032.920 VND đã được xóa sổ do không còn khả năng thu hồi.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	20.800.000	2.430.000
Doanh thu bán thành phẩm	530.609.568.345	862.055.212.231
Doanh thu cung cấp dịch vụ	333.824.349	17.010.000
Doanh thu khác	2.178.508.908	4.561.381.338
Cộng	533.142.701.602	866.636.033.569

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CỬU LONG

Địa chỉ: 36 Bạch Đằng, phường 4, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch với công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.8, Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản hàng bán bị trả lại.

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	20.232.043	2.172.311
Giá vốn của thành phẩm đã bán	490.946.970.128	810.965.050.339
Giá vốn hàng gia công	224.011.126	908.600.705
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	6.064.970.782	(2.514.866.651)
Cộng	497.256.184.079	809.360.956.704

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	100.052.577	-
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	20.597.881	10.414.391
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	181.035.983	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	3.627.705.062	3.356.198.884
Lãi thanh lý công ty con	-	134.156.286
Cộng	3.929.391.503	3.500.769.561

5. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	2.890.292.451	12.540.341.193
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	2.249.419.533	3.544.636.185
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	5.284.234.857	1.831.277.782
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	112.091.754
Cộng	10.423.946.841	18.028.346.914

6. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí khấu hao TSCĐ	578.391.099	767.143.227
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.080.905.082	16.331.767.185
Chi phí khác	1.243.051.246	422.454.713
Cộng	10.902.347.427	17.521.365.125

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CỬU LONG

Địa chỉ: 36 Bạch Đằng, phường 4, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	6.749.632.472	4.015.569.285
Chi phí đồ dùng văn phòng	380.853.925	293.704.764
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.176.624.315	1.369.862.810
Thuế, phí và lệ phí	1.064.900.720	1.334.542.809
Chi phí dự phòng	78.337.456	235.876.558
Chi phí dịch vụ mua ngoài	311.335.554	328.523.493
Chi phí khác	4.150.001.593	8.087.088.511
Cộng	13.911.686.035	15.665.168.230

8. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	91.196.658
Thu nhập khác	14.525.463	144.125.376
Cộng	14.525.463	235.322.034

9. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	92.350.668	-
Chi phí khác	76.674.842	23.282.655
Cộng	169.025.510	23.282.655

10. Lãi trên cổ phiếu**10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.174.544.767	10.183.265.262
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	8.000.000	8.000.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	647	1.273

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	514.448.220.954	807.178.120.771
Chi phí nhân công	54.364.312.616	51.589.820.599
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.205.935.786	13.265.695.406
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.692.436.673	28.900.679.817
Chi phí khác	7.297.406.627	10.688.799.934
Cộng	607.008.312.656	911.623.116.527

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CỬU LONG

Địa chỉ: 36 Bạch Đằng, phường 4, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm là 1.335.234.769 VND (năm trước là 955.118.846 VND).

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Bên liên quan khác với Công ty chỉ có Công ty cổ phần thủy sản Sao Biển là công ty liên kết.

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với Công ty cổ phần thủy sản Sao Biển đã được trình bày ở thuyết minh số V.8, Công ty không phát sinh các giao dịch khác với công ty này.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công ty không có công nợ với Công ty cổ phần thủy sản Sao Biển.

2. Số liệu so sánh

2a. *Áp dụng Chế độ kế toán mới*

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh theo qui định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CỬU LONG

Địa chỉ: 36 Bạch Đằng, phường 4, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2b. Ảnh hưởng của việc áp dụng Chế độ kế toán mới

Ảnh hưởng của việc áp dụng Chế độ kế toán mới đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính như sau:

	Mã số	Số liệu trước trình bày lại	Phân loại lại	Số liệu trình bày lại
<i>Bảng cân đối kế toán</i>				
Phải thu ngắn hạn khác	136	254.361.314	163.094.400	417.455.714
Tài sản ngắn hạn khác	155	163.094.400	(163.094.400)	-

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Trà Vinh, ngày 04 tháng 3 năm 2016



Hà Kha Ly
Người lập biểu



Lê Thị Thanh Ngân
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Bang
Tổng Giám đốc

